

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: /2020/HS-ST
Ngày 15 tháng 5 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bảng và Ông Hoàng Văn Tuân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thảo – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 5 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Chu Đình N**, sinh năm 1989.

- Tên gọi khác: Không.

- Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

- Nghề nghiệp: Công nhân; Văn hoá: 9/12.

- Con ông: Chu Đình T, sinh năm 1964.

- Con bà: Bùi Thị V, sinh năm 1963.

- Gia đình có 04 anh, chị em; Bị cáo là thứ ba.

- Vợ, con: Chưa có.

- Tiền án, tiền sự: Không.

- Bị cáo bị giữ trong T hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang.

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1989.

- Tên gọi khác: Không.
- Nơi ĐKHKTT: thôn 7, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam
- Chỗ ở: thôn N, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang
- Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;
- Nghề nghiệp: Tự do; Văn hoá: 12/12.
- Con ông: Nguyễn Văn T, đã chết.
- Con bà: Nguyễn Thị H, sinh năm 1958.
- Gia đình có 02 chị em; Bị cáo là thứ hai.
- Vợ: Nguyễn Thị P, sinh năm 1989.
- Con: có 1 con sinh năm 2010.
- Tiền án, tiền sự: Không.
- Nhân thân: Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 06 ngày 12/3/2015 của Công an tỉnh Bắc Ninh về hành vi mua số lô số đề.
- Bị cáo bị giữ trong T hợp khẩn cấp, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 17/01/2020 thay thế biện pháp ngăn chặn cho Bảo lĩnh, Hiện bị cáo đang tại ngoại. (có mặt tại phiên tòa)

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Chị Cao Thị P, sinh năm 1990. Địa chỉ: Thôn C, xã H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. (Vắng mặt tại phiên tòa)

** Người chứng kiến:*

1. Ông Ngô Văn P, sinh năm 1963. (Vắng mặt tại phiên tòa)
Địa chỉ: Số nhà 608, đường 295B, thôn P, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
2. Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1967. (Vắng mặt tại phiên tòa)
Địa chỉ: Thôn P, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.
3. Anh Hoàng Văn N, sinh năm 1975. (Vắng mặt tại phiên tòa)
Địa chỉ: Thôn T, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 00 phút ngày 31/12/2019 Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an thành phố B phối hợp với Công an xã T, thành phố B tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà nghỉ V có địa chỉ tại số nhà 608, đường 295B thuộc thôn P, xã T, thành phố B, phát hiện tại phòng số 201 có Chu Đình N, sinh năm 1989 ở

thôn Can, xã H, huyện Y và Nguyễn Văn T, sinh năm 1989 ở thôn 7, xã C, huyện L, tỉnh Hà Nam có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- + Thu tại túi áo khoác bên trong bên trái của Nguyên đang mặc 01 gói giấy bạc có hai mặt đều màu trắng bạc, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng và chất rắn màu nâu đỏ nghi là ma túy.

- + Thu tại sọt rác để trong nhà vệ sinh trong phòng 01 đoạn ống nhựa màu xanh được hàn kín 2 đầu, bên trong đựng chất tinh thể màu trắng và các mảnh viên nén màu hồng đỏ nghi là ma túy.

Ngoài ra còn tạm giữ của Chu Đình N: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen; 01 xe mô tô BKS 98B3-366.01; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Chu Đình N; 700.000đồng; 01 ví da màu đen; 01 đăng ký xe mô tô mang tên Cao Thị P.

Tạm giữ của Nguyễn Văn T: 01 điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung màu bạc; 200.000đồng và 01 ví da màu đen.

Tạm giữ tại phòng 201 nhà nghỉ V: 01 chai nhựa đã qua sử dụng, 01 đoạn ống nhựa 1 đầu gắn giấy bạc, 01 nắp chai nhựa đục 2 lỗ gắn 2 đoạn ống hút bằng nhựa, 03 đoạn ống nhựa loại ống hút, 1 bật lửa ga và 2 mảnh giấy bạc.

Tại kết luận giám định số 02 ngày 03/01/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bắc Giang kết luận:

- + Chất tinh thể màu trắng và các mảnh viên nén màu hồng đỏ đựng trong 1 đoạn ống nhựa màu xanh được hàn kín hai đầu đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,091gam.

- + Chất tinh thể màu trắng và chất rắn màu nâu đỏ đựng trong 1 đoạn giấy bạc có 2 mặt đều màu trắng bạc, được quấn lại đều là chất ma túy Methamphetamine, có tổng khối lượng 0,110gam. (BL 95).

Quá trình điều tra, Chu Đình N và Nguyễn Văn T khai nhận như sau: Buổi trưa ngày 31/12/2019, Nguyên và T cùng nhau đi ăn uống tại thôn My Điền, xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên, sau đó rủ nhau đi mua ma túy để sử dụng. Nguyên bảo với T là mua “2 - 1” nhé tức là 200.000đồng tiền ma túy đá và 100.000đồng tiền ma túy ngửa. Nguyên điều khiển xe mô tô BKS 98B3- 366.01 chở T ngồi sau đi từ xã Hoàng Ninh, huyện Việt Yên đến khu vực đường Mỹ Độ, phường Mỹ Độ, thành phố B để mua ma túy. Khi đi đến khu vực đường Mỹ Độ, Nguyên đỗ xe bảo T qua bên đường mua thuốc lá, còn Nguyên đi đến 01 nhà dân ở gần đó mua qua ô cửa sắt Nguyên hỏi mua 200.000 đồng ma túy đá và 100.000 đồng ma túy ngửa, được người bên trong cổng đưa lại cho Nguyên 02 đoạn ống nhựa được hàn kín 2 đầu, bên trong đựng ma túy và được quấn ngoài bằng băng dính màu đen. Sau khi

mua được ma túy Nguyễn điều khiển xe mô tô chở T ngồi sau đi đến nhà nghỉ V để sử dụng ma túy, trên đường đi Nguyễn đưa cho T cầm số ma túy vừa mua được. Khi đến trước cửa nhà nghỉ V, T đưa lại số ma túy trên cho Nguyễn và lấy xe mô tô của Nguyễn về nhà để lấy 01 mảnh giấy bạc và mua 04 ống hút bằng nhựa là công cụ để sử dụng chất ma túy, còn Nguyễn mua 01 chai nước vỏ nhựa của nhà nghỉ sau đó thuê phòng số 201 của nhà nghỉ để chờ T đến sẽ cùng sử dụng ma túy. Sau đó T quay lại nhà nghỉ V và lên phòng số 201 cùng Nguyễn, tại đây Nguyễn mở gói ma túy được dán băng dính đen thì thấy bên trong có 02 đoạn ống nhựa màu xanh và màu cam đều được hàn kín hai đầu, bên trong 01 ống đựng ma túy tổng hợp dạng đá và 01 ống đựng ma túy ngựa dạng viên. Nguyễn lấy đoạn ống nhựa đựng ma túy đá cắn 1 đầu đưa cho T để T đổ ma túy ra mảnh giấy bạc, do thấy có nhiều ma túy đá nên T đã lấy 1 đoạn ống nhựa vừa mang đến xúc lại một phần rồi để trên giường, Nguyễn lại cắn đoạn ống nhựa đựng ma túy ngựa chia ra làm 2 phần, 1 phần đổ cùng vào mảnh giấy bạc vừa đổ ma túy đá, còn 1 phần Nguyễn đổ vào đoạn ống nhựa đựng ma túy đá T để trên giường. Sau đó T lấy bật lửa hơ mảnh giấy bạc nhưng chưa kịp sử dụng thì có người gõ cửa, do lo sợ bị phát hiện nên T để mảnh giấy bạc đựng ma túy xuống gầm giường, rồi vơ tất cả các đoạn ống hút, giấy bạc trên giường (trong đó có đoạn ống nhựa đựng ma túy đã bót lại) vứt vào sọt rác trong nhà vệ sinh của phòng 201, còn Nguyễn gói mảnh giấy bạc có đựng ma túy T vừa để xuống gầm giường đút vào trong túi áo khoác bên trong bên trái, sau đó T ra mở cửa phòng thì Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an thành phố B phối hợp với Công an xã T, thành phố B tiến hành kiểm tra hành chính thu giữ vật chứng như trên.

Đối với người đã bán ma túy cho Nguyễn và T, do Nguyễn và T khai không biết tên tuổi, địa chỉ cụ thể ở đâu nên không đủ căn cứ xác minh xử lý.

Đối với số đồ vật thu giữ: Quá trình điều tra xác định chiếc xe mô tô BKS 98 B3- 366.01 là của chị Cao Thị P, sinh năm 1990 ở thôn Can, xã H, huyện Y (là chị dâu của Nguyễn) cho Nguyễn mượn. Chị Phương không biết Nguyễn sử dụng chiếc xe mô tô vào việc phạm tội; 01 phong bì đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định và toàn bộ vật chứng thu giữ đã được nhập kho vật chứng để xử lý.

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo khai nhận rõ hành vi phạm tội của mình.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố giữ nguyên Cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Đình N và Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự,

Xử phạt bị cáo Chu Đình N từ 14 tháng đến 16 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T từ 12 tháng đến 14 tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 17/01/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án..

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

3. Về vật chứng:

Đề nghị tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định, 01 chai nhựa đã qua sử dụng, 01 đoạn ống nhựa 1 đầu gắn giấy bạc, 01 nắp chai nhựa đục 2 lỗ gắn 2 đoạn ống hút bằng nhựa, 03 đoạn ống nhựa loại ống hút, 1 bật lửa ga và 2 mảnh giấy bạc.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Chu Đình N: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen;; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Chu Đình N; 700.000đồng; 01 ví da màu đen nhưng giữ lại 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Đề nghị trả lại cho chị Cao Thị P: 01 xe mô tô BKS 98B3-366.01 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Cao Thị P.

Đề nghị trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung màu bạc; 200.000đồng và 01 ví da màu đen nhưng giữ lại 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo nhận tội và không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát. Bị cáo nói lời sau cùng: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Hồi 12 giờ 00 phút ngày 31/12/2019, tại phòng 201 nhà nghỉ V ở số nhà 608, đường 295B thuộc thôn Phố, xã T, thành phố B, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy- Công an thành phố B phối hợp với Công an xã T, thành phố B tiến hành kiểm tra hành chính bắt quả tang Chu Đình N và Nguyễn Văn T có hành vi tàng trữ trái phép 0,201 gam ma túy Methamphetamine để sử dụng. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố bị cáo Chu Đình N và Nguyễn Văn T theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và vai trò của của các bị cáo: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, gây mất trật tự an xã hội. Ma túy là hiểm họa xã hội, làm sứt mòn đạo đức và là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác. Bị cáo T có nhân thân xấu đã bị Công an tỉnh Bắc Ninh xử phạt vi phạm hành chính số 06 ngày 12/3/2015 của về hành vi mua số lô số đề. Nên cần xử phạt nghiêm để đảm bảo giáo dục riêng và phòng ngừa chung đối với loại tội này. Bị cáo Nguyễn là người rủ rê bị cáo T, là người trực tiếp bỏ tiền ra và mua ma túy, do vậy có vai trò chính và phải chịu mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

[4] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo Q có thái độ thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Do vậy, cần áp dụng các tình tiết quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo khi xem xét, quyết định hình phạt.

[5] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng nào quy định tại khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không nghề nghiệp ổn định, không có điều kiện kinh tế để đảm bảo thi hành án nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án:

Cần tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành, 01 chai nhựa đã qua sử dụng, 01 đoạn ống nhựa 1 đầu gắn giấy bạc, 01 nắp chai nhựa đục 2 lỗ gắn 2 đoạn ống hút bằng nhựa, 03 đoạn ống nhựa loại ống hút, 1 bật lửa ga và 2 mảnh giấy bạc.

Cần trả lại cho bị cáo Chu Đình N: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen;; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Chu Đình N; 700.000đồng; 01 ví da màu đen nhưng giữ lại 700.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho chị Cao Thị P: 01 xe mô tô BKS 98B3-366.01 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Cao Thị P.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung màu bạc; 200.000đồng và 01 ví da màu đen nhưng giữ lại 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

[8] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Chu Đình N và Nguyễn Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 38; Điều 17; Điều 58 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Chu Đình N 14 (...) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 31/12/2019.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T 12 (...) tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2019 đến ngày 17/01/2020. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án..

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 phong bì thư niêm phong đựng mẫu vật hoàn lại sau giám định là vật nhà nước cấm lưu hành, 01 chai nhựa đã qua sử dụng, 01 đoạn ống nhựa 1 đầu gắn giấy bạc, 01 nắp chai nhựa đục 2 lỗ gắn 2 đoạn ống hút bằng nhựa, 03 đoạn ống nhựa loại ống hút, 1 bật lửa ga và 2 mảnh giấy bạc.

Trả lại cho bị cáo Chu Đình N: 01 điện thoại nhãn hiệu Oppo màu đen;; 01 chứng minh thư nhân dân; 01 giấy phép lái xe đều mang tên Chu Đình N; 700.000đồng; 01 ví da màu đen nhưng giữ lại 700.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

Trả lại cho chị Cao Thị P: 01 xe mô tô BKS 98B3-366.01 và 01 đăng ký xe mô tô mang tên Cao Thị P.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Văn T: 01 điện thoại đã qua sử dụng nhãn hiệu Samsung màu bạc; 200.000đồng và 01 ví da màu đen nhưng giữ lại 200.000 đồng để đảm bảo thi hành án.

4. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo Chu Đình N và Nguyễn Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

6. Về hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ./.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP B;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Trường